Đơn vị: **Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Lạng Sơn**

Chương: 423

Ký bởi: Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Lạng Sơn
Cơ quan: Tỉnh Lạng Sơn
Thời gian ký: 25/06/2024 10:15:35

QUYẾT TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2022

(Kèm theo Quyết định số 181/QĐ-KSBT ngày 25 tháng 6 năm 2024 của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật)

ĐV tính: đồng

Số T.T	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán duyệt chi từng đơn vị (Nếu có)
A	**Quyết toán thu, chi nguồn thu dịch vụ y tế dự phòng**				
I	**Số thu dịch vụ y tế dự phòng**	**3.869.334.616**	**3.869.334.616**		
II	**Số chi từ nguồn thu dịch vụ y tế dự phòng để lại**	**3.199.393.929**	**3.199.393.929**		
III	**Số nộp ngân sách nhà nước**	**53.944.178**	**53.944.178**		
B	**Quyết toán chi ngân sách nhà nước**	**30.540.537.880**	**30.540.537.880**		
I	**Nguồn ngân sách trong nước**	**30.540.537.880**	**30.540.537.880**		
1	**Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình**	**30.540.537.880**	**30.540.537.880**		
1.1	**Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên**	**26.403.000.000**	**26.403.000.000**		
1.2	**Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên**	**4.137.537.880**	**4.137.537.880**		
1.2.1	**Quyết định số 3841/QĐ-SYT ngày 30/12/2022 giao dự toán thu, chi NSNN năm 2022 cho các đơn vị khối tỉnh thuộc Sở y tế**	**3.686.168.880**	**3.686.168.880**		
a	**Chi ngoài định mức**	**3.665.553.480**	**3.665.553.480**		
	Quỹ thi đua khen thưởng NS cấp	103.500.000	103.500.000		
	Sửa chữa, bảo dưỡng, kiểm định trang thiết bị	69.350.000	69.350.000		
	Đinh lượng muối I-ốt	94.899.500	94.899.500		
	Bản tin y tế và hỗ trợ chuyên mục sức khỏe	250.000.000	250.000.000		
	Kinh phí KH số 170/KH-UBND ngày 02/8/2022 của UBND tỉnh triển khai XD và ban hành quy chuẩn Kt địa phương về chất lượng nước sạch SD cho mục đích sinh hoạt; Quyết định số 3842/QĐ-SYT ngày 30/12/2022 giao bổ sung dự toán NSNN năm 2022, kinh phí thực hiện các nhiệm vụ phát sinh (XD quy chuẩn KT địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt (nguồn 15)	613.931.400	613.931.400		
	Kinh phí mua thuốc tâm thần	429.529.500	429.529.500		
	KP mua thuốc Methadone cho các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh theo CV số 7743/BYT-AIDS ngày 17/9/2021 và CV số 4079/VP-KGVX ngày 25/9/2021 về việc phê duyệt KH đảm báo TC chấm dứt dịch bệnh AIDS vào năm 2030 trên địa bàn tỉnh LS giai đoạn 2021-2025	584.317.800	584.317.800		
	Kế hoạch số 36/KH-UBND ngày 15/02/2020 của UBND tỉnh về thực hiện đề án truyền thông vệ sinh cá nhân, VSMT và sử dụng nước sạch nông thôn trên địa bàn tỉnh	142.441.210	142.441.210		

	Lạng Sơn năm 2021 theo kế hoạch số 183/KH-UBND ngày 14/11/2020	393.260.170	393.260.170		
	Kế hoạch 134/KH-UBND ngày 10/8/2020 thực hiện chương trình chăm sóc và nâng cao sức khỏe người lao động, PCBNN	197.000.000	197.000.000		
	Kinh phí Kế hoạch số 73/KH-UBND ngày 23/4/2019 của UBND tỉnh ứng phó biến đổi khi hậu của ngành y tế giai đoạn 2019-2030 và tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn	149.319.520	149.319.520		
	Kinh phí duy trì thành quả các hoạt động thộc CTMT Y tế - Dân số	638.004.380	638.004.380		
	Phòng chống bệnh phong	*35.499.000*	*35.499.000*		
	Phòng chống bệnh sốt rét	*54.364.600*	*54.364.600*		
	Phòng chống bệnh Tim mạch, HA	*25.288.500*	*25.288.500*		
	Phòng chống bệnh Đái tháo đường	*17.298.000*	*17.298.000*		
	Cải thiện tình trạng suy dinh dưỡng trẻ em	*158.604.000*	*158.604.000*		
	Bảo vệ SK tâm thần cộng đồng và trẻ em	*31.910.000*	*31.910.000*		
	Hoạt động Y tế trường học	*34.703.150*	*34.703.150*		
	Chăm sóc sức khỏe sinh sản	*110.854.000*	*110.854.000*		
	Tiêm chủng mở rộng	*46.302.100*	*46.302.100*		
	Phòng chống sốt xuất huyết	*7.050.000*	*7.050.000*		
	Hoạt động truyền thông y tế - dân số	*43.195.000*	*43.195.000*		
b	**Sự nghiệp bảo vệ môi trường (Loại 250-260)**	**20.615.400**	**20.615.400**		
	Xử lý chất thải rắn (Loại 250 - 261)	20.615.400	20.615.400		
1.2.2	**Quyết định số 1273/QĐ-SYT ngày 29/6/2023 giao bổ sung dự toán NSNN năm 2023, kinh phí thực hiện phòng chống dịch Covid-19 của 7 tháng cuối năm 2022**	**135.347.700**	**135.347.700**		
a	+ Phụ cấp phòng, chống dịch COVID-19 theo NQ16/NQ-CP ngày 08/02/2021 của Chính phủ	97.500.000	97.500.000		
b	+ Chi các nhiệm vụ phòng, chống dịch COVID-19	37.847.700	37.847.700		
1.2.3	**Kinh phí viện trợ (Loại 400 khoản 402) nguồn ghi thu, ghi chi**	**316.021.300**	**316.021.300**		